

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 125/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân
2. Ông Từ Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình- Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lư Thị Mỹ P, sinh năm 1982; thường trú: Số 49/1A khu phố M2, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm 1982; thường trú: Số 49/1A khu phố M2, phường A, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lư Thị Mỹ P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lư Thị Mỹ P và anh Võ Thành N sau thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm thì tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/KH, quyển số 01/2009, ngày 02/6/2009. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù chị P đã cố gắng hàn

gắn gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị P xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Võ Gia N, sinh ngày 01/5/2010. Sau khi ly hôn, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp chứng cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh B tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 04/9/2020, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Võ Thành N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 04/9/2020 và ngày 24/9/2020 nhưng anh Võ Thành N vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lư Thị Mỹ P và anh Võ Thành N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 75/KH, quyền số 01/2009, ngày 02/6/2009 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chị P và anh N chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Mặc dù chị P đã cố gắng hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh N đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N không có mặt.

[3] Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó, vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Việc anh N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp lời khai và chứng cứ để chứng minh quan hệ hôn nhân chưa đến mức trầm trọng; mặt khác anh N cũng không quan tâm đến hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị P cho thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, chị P yêu cầu ly hôn với anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị P yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Gia N, sinh ngày 01/5/2010. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay con chung do chị P trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác, cháu hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ và tại bản tự khai ngày 06/6/2020, cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố D, tỉnh B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lư Thị Mỹ P đối với anh Võ Thành N về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lư Thị Mỹ P được ly hôn với anh Võ Thành N.

Về con chung: Anh Võ Thành N giao con chung tên Võ Thiện N, sinh ngày 05/11/2017 cho chị Lư Thị Mỹ P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lư Thị Mỹ P không yêu cầu anh Võ Thành N cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị Lư Thị Mỹ P và anh Võ Thành N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị P nuôi con thì chị P có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lư Thị Mỹ P không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lư Thị Mỹ P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai số 0040662 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh B (1);
- VKSND thành phố D (1);
- Chi cục THADS thành phố D (1);
- UBND phường V, TP. H, tỉnh N.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

